

Bản tin Phân tích kỹ thuật

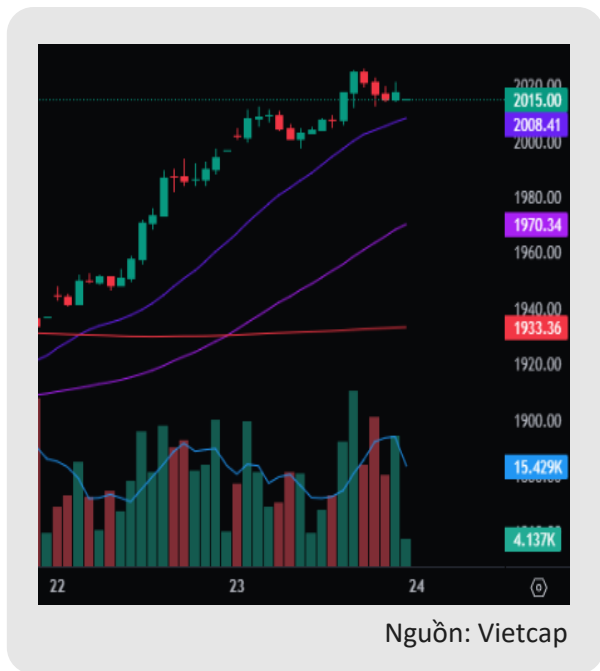
23/12/2025



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 4111G1000 có tín hiệu tăng giá nhờ đóng cửa trên đường MA20, MA50 dù đã tăng trong phiên đã bị thu hẹp. (M15)
- Dự báo hợp đồng sẽ kiểm định lại vùng giá cao 2.025 điểm. Vị thế mua được mở quanh 2.010 điểm và dừng lỗ khi xuất hiện nến đóng cửa dưới ngưỡng 2.005 điểm. (M15)

Chiến lược:

- Mua (B): 2.010 điểm
- Mục tiêu (TP): 2.025 điểm
- Dừng lỗ (SL): 2.005 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Tích cực	Tích cực
VN30	Tích cực	Tích cực
VNMid	Tích cực	Trung tính
VNSmall	Trung tính	Trung tính
HNX	Tích cực	Trung tính



Nguồn: Vietcap

- VN-Index tiếp cận khu vực giá cao 1.770-1795 điểm và bắt đầu tiếp nhận hoạt động bán/chốt lãi. Lực cung chưa ở mức đột biến và không ảnh hưởng về mặt điểm số nhưng được phản ánh qua sự phân hóa rõ rệt với 211 mã giảm và chỉ 91 mã tăng. Trong ngắn và trung hạn, tín hiệu kỹ thuật trên tất cả các rổ chỉ số không thay đổi so với phiên 22/12.
- Hoạt động bán hiện diện trên nhiều cổ phiếu Ngân hàng, Chứng khoán, Bất động sản. Tuy nhiên, áp lực chưa đột biến mặc dù VN-Index đã tiếp cận vùng đỉnh 1.770-1.795 điểm. Về tín hiệu kỹ thuật, lực cung trong phiên 23/12 có ảnh hưởng đến đà tăng giá ngắn hạn ở 26% cổ phiếu Ngân hàng, 17% cổ phiếu Bất động sản, 25% cổ phiếu Bán lẻ.
- Áp lực bán giá cao sẽ khiến VN-Index tăng trong sự giằng co, biên độ tăng giá là 1.770-1.795 điểm. Trường hợp lực cung gia tăng đột ngột, hỗ trợ tại khu vực 1.750 điểm sẽ đóng vai trò thu hút hoạt động mua giá thấp, cân bằng áp lực bán và đồng thời củng cố quán tính tăng giá cho hoạt động vượt đỉnh trong giai đoạn tiếp theo.

Cổ phiếu khuyến nghị theo PTKT



Nguồn: Vietcap

SHB

- Vùng hỗ trợ 15.600 (16/12) ở mức cao hơn vùng hỗ trợ 15.100 (10/11) cho thấy cấu trúc giảm giá đã suy yếu, tạo tiền đề cho nhịp tăng kiểm định lại vùng 17.200.
- Ngoài ra, không ghi nhận áp lực cung đột biến trong các phiên gần đây. Vị thế mua có thể mở với dừng lỗ khi xuất hiện giá đóng cửa vi phạm 15.900.

Giá mua	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ
16.200-16.300	17.200	15.900



Nguồn: Vietcap

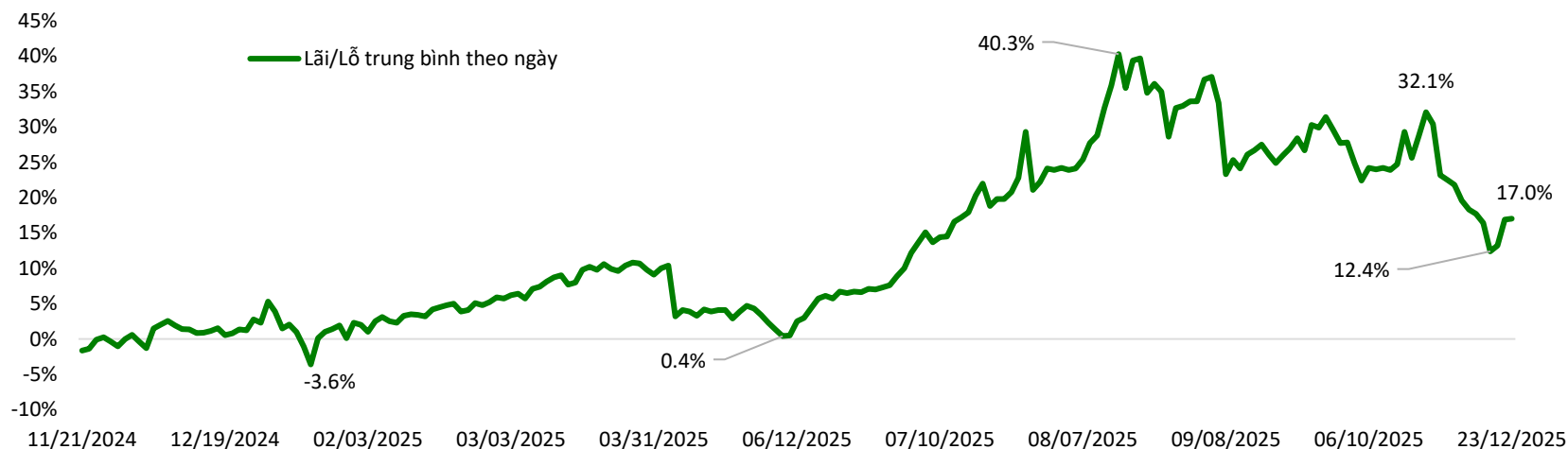
POW

- Ghi nhận sự cải thiện từ hoạt động mua sau khi tiếp cận vùng giá thấp 11.500 (12/12). POW vượt các đường MA20, MA50, xác nhận sự tiếp tục xu hướng tăng Trung hạn.
- Dự báo cổ phiếu sẽ kiểm định vùng 14.100. Vị thế mua có thể mở và dừng lỗ khi xuất hiện giá đóng cửa dưới ngưỡng 12.000.

Giá mua	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ
12.700-12.800	14.100	12.000

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
VNM	19/12/2025		Đang mở	62,600	63,400	-1.3%	61,500	70,000		
PVS	19/12/2025		Đang mở	34,200	32,300	5.9%	31,100	36,000	32,000	
BID	19/12/2025		Đang mở	38,000	37,500	1.3%	37,300	41,000		
TCB	19/12/2025		Đang mở	34,800	33,100	5.1%	32,000	36,200	33,500	
MWG	22/12/2025		Đang mở	87,500	82,700	5.8%	79,700	89,000	82,700	
PVI	22/12/2025		Đang mở	89,300	91,300	-2.2%	88,000	100,000		



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	169,900	6.99%	18.89%	1,309,255	17.577	1,147	9.0	148.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
VHM	114,900	6.98%	20.95%	471,942	6.330	6,133	2.2	18.7	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực
VPL	103,000	5.10%	22.18%	184,710	1.810	-60	5.1	-1,727.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
STB	56,000	6.87%	19.02%	105,572	1.393	6,519	1.7	8.6	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
LPB	41,800	-5.00%	-5.96%	124,868	-1.199	3,469	2.9	12.1	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
VCB	57,200	-1.04%	0.53%	477,945	-0.953	4,202	2.2	13.6	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
MWG	87,500	2.94%	6.71%	128,490	0.726	3,956	4.1	22.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
VRE	34,250	3.79%	15.71%	77,827	0.566	2,144	1.7	16.0	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực
TCB	34,800	-1.14%	5.45%	246,601	-0.538	3,111	1.5	11.2	Trung tính	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực
BID	38,000	-1.04%	1.60%	266,812	-0.534	3,781	1.6	10.1	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tích cực
HDB	27,500	1.85%	11.10%	137,645	0.490	3,079	2.1	8.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPB	28,700	-1.03%	1.59%	227,704	-0.452	2,603	1.5	11.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
TCX	46,700	-1.48%	-0.95%	107,938	-0.306	2,390	2.5	19.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SSI	30,800	-2.07%	1.82%	76,726	-0.305	1,865	2.5	16.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
HOV	26,200	-1.87%	-3.68%	81,521	-0.293	3,765	14.6	7.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
PVI	89,300	-2.83%	1.48%	20,918	-0.429	5,156	2.3	17.3	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVS	34,200	3.32%	6.54%	17,491	0.421	2,841	1.2	12.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SHS	21,400	-2.28%	0.00%	19,248	-0.318	1,518	1.6	14.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
CEO	22,600	-3.42%	-1.31%	12,824	-0.318	360	2.1	62.8	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
PTI	35,300	-9.25%	-9.25%	4,257	-0.285	2,493	1.6	14.2	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NVB	13,900	1.46%	1.46%	26,752	0.283	-3,641	4.0	-3.8	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
KSF	74,000	-0.54%	1.65%	66,584	-0.259	4,851	5.6	15.3	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
HUT	16,300	-1.81%	-1.21%	17,413	-0.228	488	1.6	33.4	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
DHT	70,100	-3.84%	-5.27%	6,349	-0.177	735	5.9	95.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
VIF	15,500	-4.32%	-2.52%	5,425	-0.170	738	1.1	21.0	Tiêu cực	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
MVN	46,200	5.00%	6.94%	55,167	0.472	1,438	4.1	32.0	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGI	69,700	-1.13%	-0.29%	213,919	-0.415	3,046	5.7	23.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACV	51,600	-0.58%	-1.71%	184,898	-0.183	2,971	2.8	17.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCR	35,100	-8.83%	-17.61%	8,003	-0.121	-134	5.1	-283.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VEF	134,500	2.67%	2.83%	22,336	0.102	96,612	3.3	1.4	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FOX	62,000	-1.27%	0.98%	45,935	-0.100	4,405	4.4	14.1	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
VNZ	373,900	4.53%	3.63%	10,905	0.084	-13,147	12.9	-28.2	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TSJ	30,500	12.96%	45.24%	2,595	0.058	1,315	3.0	26.4	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PHS	11,200	14.29%	10.89%	2,240	0.055	367	1.1	30.6	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KLB	16,700	-2.91%	2.45%	9,760	-0.049	2,609	1.3	6.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

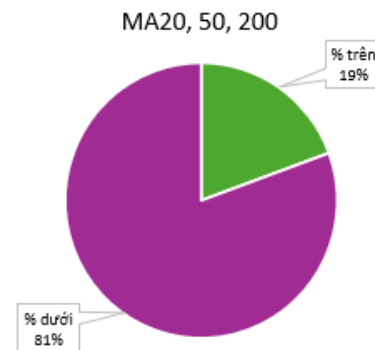
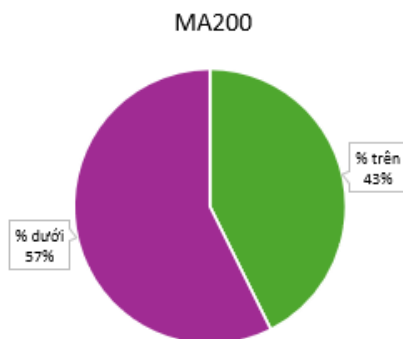
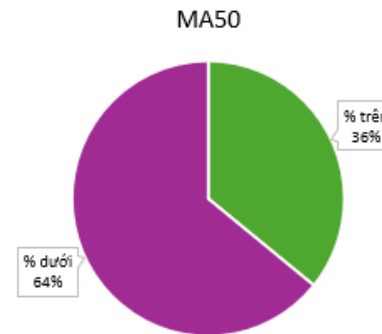
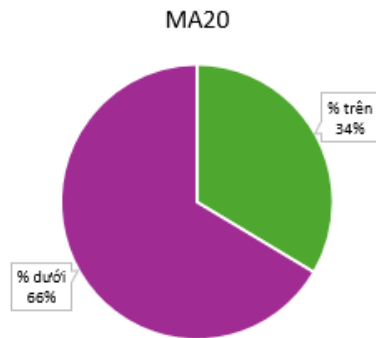
Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN													
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3	
VIC	169,900	7.0%	1113.9	891.0	19,950	160,000	9.0	148.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính	
HDB	27,500	1.9%	897.0	515.1	14,034	27,000	2.1	8.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
MWG	87,500	2.9%	1201.4	474.3	45,593	85,800	4.1	22.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính	
DCL	45,500	5.4%	41.9	33.6	19,850	43,150	2.2	95.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính	
NAF	36,600	1.4%	25.1	19.1	16,273	36,400	2.4	18.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
NNC	71,300	0.4%	8.0	4.6	21,320	71,000	3.2	13.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
DHA	67,300	2.0%	8.1	7.9	33,590	66,000	2.1	10.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
TLD	8,510	2.7%	6.4	1.7	5,380	8,460	0.8	48.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	

PHÁ ĐÁY 52 TUẦN													
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3	
ILB	22,800	-4.8%	6.9	0.5	23,950	32,612	1.1	6.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	

KLGD ĐỘT BIẾN													
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3	
LPB	41,800	-5.0%	528.6	88.7	26,638	53,900	2.9	12.1	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	
AAS	9,200	5.7%	33.0	8.5	6,300	23,000	0.8	12.7	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	
HVH	14,850	6.8%	14.1	2.3	8,365	15,350	1.2	19.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
BWE	43,500	-0.9%	17.6	4.3	39,600	52,800	1.7	11.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			23/12/2025	22/12/2025	19/12/2025	18/12/2025	17/12/2025	16/12/2025	15/12/2025	12/12/2025	11/12/2025	10/12/2025
VNINDEX	MA200	Trên	45%	47%	46%	44%	43%	44%	40%	41%	50%	50%
		Dưới	55%	53%	54%	56%	57%	56%	60%	59%	50%	50%
	MA50	Trên	36%	36%	32%	32%	28%	30%	25%	25%	35%	36%
		Dưới	64%	64%	68%	68%	72%	70%	75%	75%	65%	64%
	MA20	Trên	35%	37%	28%	27%	25%	28%	20%	19%	33%	35%
		Dưới	65%	63%	72%	73%	75%	72%	80%	81%	67%	65%
VN30	MA200	Trên	73%	73%	70%	73%	67%	67%	63%	57%	73%	73%
		Dưới	27%	27%	30%	27%	33%	33%	37%	43%	27%	27%
	MA50	Trên	50%	57%	30%	30%	30%	30%	17%	13%	33%	37%
		Dưới	50%	43%	70%	70%	70%	70%	83%	87%	67%	63%
	MA20	Trên	60%	70%	40%	33%	33%	37%	7%	10%	23%	40%
		Dưới	40%	30%	60%	67%	67%	63%	93%	90%	77%	60%
HNX	MA200	Trên	42%	44%	43%	41%	41%	43%	43%	40%	45%	44%
		Dưới	58%	56%	57%	59%	59%	57%	57%	60%	55%	56%
	MA50	Trên	36%	38%	38%	35%	36%	36%	34%	34%	36%	35%
		Dưới	64%	62%	62%	65%	64%	64%	66%	66%	64%	65%
	MA20	Trên	42%	44%	43%	41%	41%	43%	43%	40%	45%	44%
		Dưới	58%	56%	57%	59%	59%	57%	57%	60%	55%	56%
UPCOM	MA200	Trên	33%	34%	32%	32%	32%	32%	32%	30%	33%	35%
		Dưới	67%	66%	68%	68%	68%	68%	68%	70%	67%	65%
	MA50	Trên	36%	37%	36%	36%	36%	36%	36%	34%	36%	38%
		Dưới	64%	63%	64%	64%	64%	64%	64%	66%	64%	62%
	MA20	Trên	41%	41%	41%	41%	41%	42%	41%	41%	42%	42%
		Dưới	59%	59%	59%	59%	59%	58%	59%	59%	58%	58%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 17		Tháng 12																Tháng 11				
		23 ↓	22	19	18	17	16	15	12	11	10	09	08	05	04	03	02	01	28	27	26	
1	Dầu khí	69	62	53	49	47	39	31	42	40	40	50	47	49	49	49	48	46	48	49	49	
2	Y tế	62	73	70	68	67	64	63	66	71	70	74	77	78	76	77	72	51	48	42	41	
3	Bán lẻ	58	56	48	48	45	43	46	63	74	81	84	83	83	85	77	73	70	71	74	73	
4	Điện, nước & xăng d...	53	50	47	45	46	41	36	44	47	49	50	54	53	54	55	56	56	58	59	58	
5	Thực phẩm và đồ uố...	53	53	50	49	49	48	46	51	55	56	56	57	53	55	54	54	50	53	56	57	
6	Bảo hiểm	52	48	42	41	40	37	35	44	49	51	55	54	41	45	41	37	42	44	45	46	
7	Du lịch và Giải trí	52	52	51	47	48	45	45	50	53	56	57	58	57	56	54	54	54	54	52	50	
8	Công nghệ Thông tin	51	53	54	54	55	55	55	58	47	46	44	44	46	45	42	40	37	42	42	40	
9	Ngân hàng	48	42	33	31	35	31	31	37	42	42	45	48	45	49	43	35	31	35	34	32	
10	Xây dựng và Vật liệu	48	46	45	46	45	40	38	50	54	57	57	58	47	49	46	46	42	45	45	43	
11	Hàng cá nhân & Gia ...	48	47	46	47	45	44	42	47	51	53	59	62	62	64	63	63	65	66	63	60	
12	Tài nguyên Cơ bản	45	45	41	41	41	39	36	43	49	51	52	48	45	48	43	42	44	49	48	46	
13	Hàng & Dịch vụ Côn...	42	40	35	38	37	35	34	43	46	47	48	47	48	50	49	48	45	50	53	51	
14	Hóa chất	39	38	38	37	39	37	36	44	49	52	53	56	55	59	56	52	51	53	54	54	
15	Bất động sản	37	35	30	28	28	26	26	37	46	50	54	56	53	58	52	49	42	51	52	53	
16	Dịch vụ tài chính	35	32	21	17	18	15	13	16	20	20	19	22	16	24	18	16	13	14	16	16	
17	Ô tô và phụ tùng	30	32	27	28	26	25	22	28	30	31	21	23	22	27	25	25	20	27	37	36	

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	169,900	7.0%	18.9%	1,309,255	9.0	148.1	1,147	1,113.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
VHM	114,900	7.0%	20.9%	471,942	2.2	18.7	6,133	876.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực
CTG	35,000	-0.4%	-0.7%	271,844	1.6	8.2	4,292	346.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPL	103,000	5.1%	22.2%	184,710	5.1	-1,727.4	-60	99.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
GAS	65,300	0.0%	1.6%	157,566	2.4	13.0	5,014	99.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
HDB	27,500	1.9%	11.1%	137,645	2.1	8.9	3,079	897.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MWG	87,500	2.9%	6.7%	128,490	4.1	22.1	3,956	1,201.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
STB	56,000	6.9%	19.0%	105,572	1.7	8.6	6,519	468.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
BSR	16,200	-1.5%	5.2%	81,118	1.4	39.2	413	162.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
VRE	34,250	3.8%	15.7%	77,827	1.7	16.0	2,144	505.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực
BVH	56,000	0.0%	4.9%	41,570	1.7	15.7	3,578	32.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
POW	12,800	0.8%	3.2%	39,268	1.2	18.8	680	108.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
PNJ	93,400	-0.5%	1.1%	31,863	2.7	13.5	6,914	36.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HAG	18,250	0.0%	2.0%	23,130	1.8	13.3	1,370	247.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
VPI	60,600	0.7%	1.8%	19,395	3.8	52.8	1,149	108.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TAL	50,500	1.0%	7.4%	18,180	3.5	20.9	2,418	33.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
PVS	34,200	3.3%	6.5%	17,491	1.2	12.0	2,841	403.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVD	27,450	-1.6%	6.2%	15,259	0.9	17.1	1,602	224.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BMP	183,000	3.9%	3.0%	14,981	4.8	12.5	14,639	40.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BAF	35,900	1.7%	-0.3%	10,914	2.5	20.9	1,715	238.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
BCM	61,200	-1.1%	-5.6%	63,342	3.0	17.1	3,576	10.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VEA	33,900	0.0%	0.0%	45,103	1.5	5.9	5,767	6.9	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	71,600	-4.0%	-17.2%	27,192	1.8	8.6	8,296	982.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BWE	43,500	-0.9%	-5.6%	9,567	1.7	11.2	3,894	17.6	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ILB	22,800	-4.8%	-12.6%	871	1.1	6.3	3,594	6.9	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HSL	7,100	-4.7%	-12.7%	274	0.6	149.1	48	12.4	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGI	69,700	-1.1%	-0.3%	213,919	5.7	23.1	3,046	14.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACV	51,600	-0.6%	-1.7%	184,898	2.8	17.4	2,971	55.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	94,000	0.3%	-0.9%	160,130	4.5	17.8	5,280	567.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GVR	26,250	-1.3%	-0.9%	105,000	1.8	16.7	1,569	28.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HVN	26,200	-1.9%	-3.7%	81,521	14.6	7.0	3,765	22.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FOX	62,000	-1.3%	1.0%	45,935	4.4	14.1	4,405	5.2	Tiêu cực	-7.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
REE	61,400	-0.8%	-1.9%	33,258	1.6	12.9	4,776	17.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVL	13,450	-2.5%	-0.7%	27,540	0.7	-6.9	-1,945	96.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DPM	22,200	-1.6%	-0.7%	15,094	1.4	18.3	1,212	43.8	Tiêu cực	-7.5	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
VHC	54,300	-1.3%	-1.3%	12,188	1.3	7.8	6,944	30.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HSG	15,800	-1.6%	-0.6%	9,812	0.9	13.4	1,178	26.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGW	39,800	-1.7%	-1.2%	8,803	2.7	16.5	2,410	58.8	Tiêu cực	-7.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
CMG	35,400	0.0%	-0.4%	7,495	2.5	19.3	1,833	8.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXS	9,210	-2.2%	-1.7%	5,334	0.8	14.4	639	17.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
DGC	71,600	-4.02%	-17.23%	118,000	64.8%	8,296	1.8	8.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NLG	31,900	-2.30%	-0.93%	52,100	63.3%	2,214	1.6	14.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
STK	16,000	-0.62%	-4.48%	25,500	59.4%	178	1.3	89.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	41,450	-0.24%	-0.36%	64,100	54.6%	3,090	2.1	13.4	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVL	13,450	-2.54%	-0.74%	20,000	48.7%	(1,945)	0.7	-6.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXS	9,210	-2.23%	-1.71%	13,600	47.7%	639	0.8	14.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	33,000	-0.45%	4.43%	48,500	47.0%	857	2.1	38.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
IDC	37,000	-0.54%	0.00%	54,000	45.9%	4,849	2.1	7.6	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
DCM	32,450	0.31%	0.00%	46,600	43.6%	3,578	1.6	9.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SZC	29,900	0.00%	-0.17%	42,400	41.8%	1,763	1.7	17.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACB	24,200	-0.41%	0.83%	33,300	37.6%	3,385	1.4	7.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DXG	17,900	-0.56%	3.77%	24,000	34.1%	399	1.6	44.9	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
DPG	41,250	0.12%	-1.08%	55,200	33.8%	3,037	2.0	13.6	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SIP	52,200	-0.19%	0.00%	69,800	33.7%	5,474	2.5	9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	26,750	-0.56%	0.19%	35,700	33.5%	1,876	1.6	14.3	Trung tính	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực
MSN	76,100	0.13%	2.15%	101,200	33.0%	2,196	3.3	34.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
SSI	30,800	-2.07%	1.82%	40,800	32.5%	1,865	2.5	16.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VPB	28,700	-1.03%	1.59%	38,000	32.4%	2,603	1.5	11.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
BWE	43,500	-0.91%	-5.64%	57,300	31.7%	3,894	1.7	11.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GMD	59,500	0.00%	1.02%	78,200	31.4%	3,497	2.0	17.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Tuan Nhan

**Managing Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 107

tuan.nhan@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn